TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Đỗ Ngọc Cận**;

2. Ông **Phan Văn Tạo**;

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Văn Ngọc Hân** là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên tòa:* Bà **Đồ Ngọc Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 6 tháng 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số A ấp A1, xã A2, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông **Tô Thanh Tr**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số T đường T1, khóm T3, phường T8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2018 của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:**

Bà và ông Tô Thanh Tr là vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/01/2015. Sau khi kết hôn bà về sống bên nhà chồng tại số T đường T1, khóm T3, phường T8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đến cuối năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Tr thường xuyên nghen tuông và dùng những lời lẽ thô tục làm cho tinh thần của bà suy sụp. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 20/6/2017 cho đến nay, khi ly thân bà về nhà cha mẹ ruột ở tại ấp A ấp A1, xã A2, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng sống từ đó cho đến nay. Nay bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông, bà có một người con chung tên Tô Ngọc Ng, sinh ngày 14/12/2015, hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Tô Ngọc Ng cho đến khi cháu Ng đến đủ 18 tuổi và bà không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong phiên hòa giải ngày 21 tháng 5 năm 2018 và tại phiên tòa, bị đơn Tô Thanh Tr đều trình bày:**

Ông thống nhất với lời trình bày nêu trên của bà Nguyễn Thị C về thời gian kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn, con chung cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như bà C trình bày là đúng sự thật.Trong thời gian chung sống ông bà có một người con chung tên Tô Ngọc Ng, sinh ngày 14/12/2015 đang do bà C trực tiếp nuôi dưỡng tại nhà của cha mẹ vợ ông, tại ấp A1, xã A2, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng

Tại phiên tòa ông Tr trình bày, ông chỉ đồng ý ly hôn và đồng ý cho bà Nguyễn Thị C nuôi con với một điều kiện là: Mỗi tháng ông phải được đưa cháu Ng về nhà ông, để ông trực tiếp chăm sóc và cháu Ng được thăm ông, bà nội đến hết tuần, ông sẽ đưa trả cháu Ng cho bà C. Nếu không, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự là bà Nguyễn Thị C và ông Tô Thanh Tr đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Đối với các yêu cầu khởi kiện của bà C, về việc xin ly hôn với ông Tr, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, còn về tài sản chung và nợ chung, trong quá trình giải quyết vụ án, bà C và ông Tr đều tự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông Tr kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân phường T8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/01/2015, nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Tr là hợp pháp. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn". Như vậy, bà C có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Tr.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà C, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi kết hôn, bà C và ông Tr cũng có thời gian dài chung sống hạnh phúc bên nhau từ tháng 01 năm 2015 đến ngày 20/6/2017. Tuy nhiên, từ đầu năm 2017, hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Tr thường hay ghen tuông vô cớ và bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên xung đột với nhau và hiện nay đã ly thân với nhau. Vấn đề này, bà C và ông Tr đều thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay.

Như vậy, bà C và ông Tr đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải, động viên bà C và ông Tr hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà C là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà C ly hôn với ông Tr.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của bà C xin được nuôi dưỡng con chung tên Tô Ngọc Ng, sinh ngày 14/12/2015 đến tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử thấy, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điền kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Xét thấy, đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Ng mới hơn 02 tuổi cần phải có sự trông nom, chăm sóc của cha mẹ. Trên thực tế cháu Ng đã và đang sống chung với mẹ cuộc sống của cháu đang ổn định và được đảm bảo về mọi mặt, mặt

khác đó cháu Ng chưa đủ 36 tháng tuổi và tại phiên tòa các đương sự cũng không có thỏa thuận nào khác phù hợp với lợi ích của cháu Ng. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, giao cháu Ng cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con". Đáng lẽ ra, ông Tr là người không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà C không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Tô Thanh Tr trình bày ông đồng ý cho bà C nuôi cháu Ng, nhưng với một điều kiện là mỗi tháng ông phải được đưa cháu Ng về nhà ông, để ông trực tiếp chăm sóc và cháu Ng được thăm ông, bà nội đến hết tuần, ông sẽ đưa trả cháu Ng cho bà C. Tại phiên tòa hôm nay, bà C chỉ đồng ý cho ông được quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật. Còn về yêu cầu của ông Tr bà không đồng ý vì bà cho rằng cháu Ng hiện tại còn quá nhỏ không thể đồng ý với yêu cầu thăm nom con chung như ông Tr đề nghị.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã quy định: "Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó". Xét thấy, sau khi ly hôn ông Tr không phải là người trực tiếp nuôi con thì có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, còn việc ông muốn đưa cháu về nhà ông, để trực tiếp chăm sóc và cháu Ng được thăm ông, bà nội đến hết tuần ông sẽ đưa trả cháu Ng cho bà C và tại phiên tòa bà C cũng không đồng ý với yêu cầu này của ông Tr. Vì vậy, yêu cầu của ông Tr không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Tô Thanh Tr đều tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Như vậy, tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C là có căn cứ.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà C là người xin ly hôn nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị C và ông Tô Thanh Tr.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên cháu Tô Ngọc Ng (nữ, sinh ngày 14/12/2015) hiện đang sống chung với bà C cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề này ra để xem xét.

2.3. Ông Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở ông Tr thực hiện quyền này, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Tô Thanh Tr tự khai không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000310 ngày 22/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà C đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND phường T8;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ